

Bản án số: **108/2021/HS-ST**
Ngày: 17/6/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Lâm Bình**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Hữu Đệ**
Bà **Nguyễn Thị Mai**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Đăng Hùng**- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Z tham gia phiên tòa:* Bà **Hoàng Thị Hồng Chiêm**- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh- Thành phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 101/2021/TLST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **Lê Đình A**, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Khu 5, thôn X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Lê Đình A1 và bà Ngô Thị A2; Có vợ là Lê Thị Như A3 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2018; Theo danh chỉ bản số 216 của Công an huyện Z lập ngày 30/3/2021 xác định: Tiền án, tiền sự và nhân thân: Ngày 14/3/2012, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt 05 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án về tội Đánh bạc;

Tạm giữ, tạm giam từ ngày **21/3/2021**. Có mặt.

2. Họ tên: **Hoàng Văn B**, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Khu 6, thôn X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Hoàng Văn B1 và bà Trương Thị B2; Có vợ là Tô Thị B3 và có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2016; Theo danh chỉ bản số 219 của Công an huyện Z lập ngày 30/3/2021 xác định: Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ từ ngày **21/3/2021**; Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn ngày **24/3/2021**; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cầm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Họ tên: **Trương Đình C**, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Khu 6, thôn X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân

tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trương Đăng C1 (Đã chết) và bà Lê Thị C2; Có vợ là Nguyễn Thị C3 và có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2007; Theo danh chỉ bản số 218 của Công an huyện Z lập ngày 30/3/2021 xác định: Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ từ ngày **21/3/2021**; Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn ngày **24/3/2021**; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. Họ tên: **Trần Văn D**, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Khu 6, thôn X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Văn D1 (Đã chết) và bà Ngô Thị D2; Có vợ là Nguyễn Thị D3 và có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2013; Theo danh chỉ bản số 217 của Công an huyện Z lập ngày 30/3/2021 xác định: Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ từ ngày **21/3/2021**; Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn ngày **24/3/2021**; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

5. Họ tên: **Hoàng Văn E**, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Khu 7, thôn X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Hoàng Văn E1 và bà Đỗ Thị E2 (Đã chết); Có vợ là Ngô Thị E3 và có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2005; Theo danh chỉ bản số 220 của Công an huyện Z lập ngày 30/3/2021 xác định: Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ từ ngày **21/3/2021**; Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn ngày **24/3/2021**; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

6. Họ tên: **Trương Đăng F**, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Khu 6, thôn X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trương Đình F1 và bà Kiều Thị F2; Có vợ là Đỗ Thị F3 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2010; Theo danh chỉ bản số 221 của Công an huyện Z lập ngày 30/3/2021 xác định: Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ từ ngày **21/3/2021**; Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn ngày **24/3/2021**; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án như sau

Hồi 22 giờ 00 phút ngày 21/3/2021, tổ công tác Đội Cảnh sát hình sự - Công an huyện Z phối hợp với Công an xã Y phát hiện bắt quả tang tại nhà Lê Đình A ở khu 5, thôn X, xã Y, huyện Z, Hà Nội có các đối tượng Hoàng Văn B, Trương Đình C, Hoàng Văn E, Trương Đăng F, Trần Văn D đang đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức đánh “chắn”. Khi kiểm tra có anh Ngô Thành Biên ngồi xem, không tham gia đánh bạc. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, tạm giữ vật chứng và đưa các đối tượng về trụ sở làm rõ.

Vật chứng tạm giữ:

- Tại chiếu bạc gồm: 01 chiếu nhựa, 01 đĩa sứ, 02 bộ bài chắn (01 bộ màu đỏ, 01 bộ màu xanh), tiền dưới chiếu bạc 4.240.000 đồng, tiền phé 100.000 đồng, tiền chia bài 80.000 đồng.

- Cửa Trần Văn D: Số tiền 510.000 đồng; 01 điện thoại di động OPPO màu xanh, lắp sim số thuê bao 0376288444 (Không mở được khay sim).

- Cửa Hoàng Văn E: Số tiền 2.210.000 đồng 01 điện thoại di động Samsung Galaxy Note 9 màu đen, lắp 02 sim số thuê bao 0978028383 và 0964279835.

- Cửa Trương Đăng F: Số tiền 1.500.000 đồng; 01 điện thoại di động OPPO A7 màu trắng-bạc, lắp sim số thuê bao 0984884176.

- Cửa Hoàng Văn B: 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus màu vàng, lắp sim số thuê bao 0915168383.

- Cửa Trương Đình C: 01 điện thoại di động OPPO màu đen, lắp sim số thuê bao 0976815485.

Quá trình điều tra, xác định: Khoảng 20 giờ 25 phút ngày 21/3/2021, Lê Đình A sử dụng số thuê bao 0968614682 gọi điện đến các số thuê bao 0376288444 của Trần Văn D, số 0915168383 của Hoàng Văn B và số 0978028383 của Hoàng Văn E rủ đến nhà A để đánh bạc. D, E, B đồng ý đi đến nhà A để đánh bạc, đi cùng B còn có anh Nguyễn Thành Biên. Trương Đăng F và Trương Đình C tự rủ nhau đến nhà A để đánh bạc. Đến khoảng 20 giờ 45 phút cùng ngày, A trải chiếu ở góc sân, lấy 02 bộ bài chắn (Một bộ gáy màu xanh, một bộ gáy màu đỏ) và 01 chiếc đĩa sứ để dưới chiếu cho các con bạc ngồi sát phạt dưới hình thức đánh “chắn” được thua bằng tiền. B mang theo 100.000 đồng nên vay của D 1.000.000 đồng để tham gia đánh bạc; D ngồi chia bài cho B, E, F, C đánh bạc ăn tiền. Các đối tượng thống nhất “đánh góp”, mỗi người góp 100.000 đồng, mỗi lần góp bỏ ra ngoài 10.000 đồng cho A hưởng (Tiền phé). Trong quá trình đánh bạc, ai thắng thì được lấy tiền từ số tiền góp để giữa chiếu; khi hết số tiền đã góp tiếp tục góp để đánh. Mức độ sát phạt cụ thể như sau: người “ù xuống” được lấy 60.000 đồng, “ù thông” được lấy 80.000 đồng, “ù chì” được lấy 80.000 đồng, “ù bạch thủ” được lấy 80.000 đồng, “ù tôm” được lấy 140.000 đồng, “ù lèo” được lấy 160.000 đồng, “ù bạch thủ chì” được lấy 240.000 đồng; “ù hai tôm” được lấy 240.000 đồng, “ù tôm–lèo” được lấy 260.000 đồng; “ù bạch định” được lấy 280.000 đồng; “ù tám đỏ” được lấy 280.000 đồng; “ù tám đỏ hai lèo”: được lấy 360.000 đồng... Quá trình chơi, ván nào ai ù có cước sắc như: ù bạch định, tám đỏ, tám đỏ lèo, tám đỏ hai lèo...thì người đó phải tự bỏ ra 10.000 đồng tiền công chia bài cho D hưởng. A ngồi xem và lấy nước, thuốc lá phục vụ các con bạc; anh Ngô Thành Biên đến ngồi xem không tham gia đánh bạc. Khi các đối tượng đang đánh bạc thì bị lực lượng công an huyện Z phát hiện, bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

Hành vi, số tiền sử dụng để đánh bạc của từng bị cáo cụ thể như sau:

- Lê Đình A gọi điện thoại rủ các con bạc đến nhà đánh bạc, trải chiếu, chuẩn bị 02 bộ bài chắn, 01 đĩa sứ cho các con bạc đánh chắn, được thua bằng tiền. A quy định mỗi lần con bạc góp 100.000 đồng thì bỏ ra 10.000 đồng tiền

phế, số tiền này khi kết thúc buổi đánh bạc A sẽ thu, khi bị bắt số tiền phế bị tạm giữ là 100.000 đồng. Đối với số tiền 2.970.000 đồng tạm giữ trên người của A là tiền cá nhân, không sử dụng để đánh bạc.

- Trần Văn D được A gọi điện rủ đến nhà chia bài cho các con bạc, cho B vay 1.000.000 đồng để đánh bạc. D ngồi chia bài cho B, C, E, F đánh bạc và hưởng tiền công chia bài. Khi bị bắt, D được các con bạc cho 80.000 đồng tiền công chia bài và bị tạm giữ. Đối với số tiền 510.000 đồng tạm giữ trên người của D là tiền cá nhân, không sử dụng để đánh bạc.

- Hoàng Văn B mang theo 100.000 đồng. Tại nhà A, B vay của D 1.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt không rõ thắng thua, số tiền tham gia đánh bạc để hết dưới chiếu bạc.

- Trương Đình C mang theo 1.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt đang thua khoảng 100.000-200.000 đồng, số tiền tham gia đánh bạc để hết dưới chiếu bạc.

- Hoàng Văn E mang theo 2.960.000 đồng để đánh bạc, ban đầu bỏ ra 750.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt đang thắng khoảng 1.000.000 đồng, để hết dưới chiếu bạc; bị tạm giữ trên người số tiền 2.210.000 đồng, xác định nếu thua sẽ tiếp tục bỏ số tiền còn lại trên người ra đánh bạc.

- Trương Đăng F mang theo 3.000.000 đồng để đánh bạc, ban đầu bỏ ra 500.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc bị thua nên tiếp tục bỏ tiền ra 2 lần, mỗi lần 500.000 đồng. Khi bị bắt quả tang đang thua 1.500.000 đồng, bị tạm giữ trên người 1.500.000 đồng, xác định nếu thua sẽ tiếp tục bỏ số tiền còn lại trên người ra đánh bạc.

Như vậy, tổng số các đối tượng sử dụng để đánh bạc là 8.130.000 đồng.

Đối với anh Ngô Thành Biên không tham gia đánh bạc nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với chiếc điện thoại di động OPPO màu đen, lắp sim số thuê bao 0976815485, tạm giữ của Trương Đình C; chiếc điện thoại di động OPPO A7 màu trắng, bạc, lắp sim số thuê bao 0984884176 tạm giữ của Trương Đăng F là tài sản cá nhân của C và F, không liên quan đến hành vi đánh bạc nên ngày 06/5/2021, Cơ quan điều tra đã Quyết định xử lý vật chứng trao trả các điện thoại trên cho C và F.

Đối với số tiền 2.970.000 đồng và 01 điện thoại di động Samsung, lắp sim số thuê bao 0968614682 tạm giữ của Lê Đình A; số tiền 510.000 đồng và 01 điện thoại di động OPPO màu xanh, lắp sim số thuê bao 0376288444 tạm giữ của Trần Văn D; 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus, lắp sim số thuê bao 0915168383 tạm giữ của Hoàng Văn B; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy Note 9, lắp 02 sim số thuê bao 0978028383 và 0964279835 tạm giữ của Hoàng Văn E; 01 chiếu nhựa, 01 đĩa sứ, 02 bộ bài chắn và số tiền 8.130.000 đồng (Gồm tiền thu dưới chiếu bạc và tiền thu trên người bị cáo E, bị cáo F) là vật chứng vụ án, chuyển Tòa án chuyển Tòa án nhân dân huyện Z giải quyết theo thẩm quyền.

Cáo trạng số 101/CT-VKSĐA ngày 24/5/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Z quyết định truy tố : Các bị cáo Lê Đình A, Hoàng Văn B, Trương Đình C, Trần Văn D, Hoàng Văn E và Trương Đăng F đều về tội Đánh bạc theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa,

Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã nêu. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo đã ăn năn, hối cải và mong nhận được sự khoan hồng của pháp luật để các bị cáo cải tạo trở thành người tốt cho xã hội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Z giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, một lần nữa khẳng định việc truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như Cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử,

- Xử phạt:

1. Lê Đình A từ 08 tháng đến 10 tháng tù;
2. Hoàng Văn B từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng;
3. Hoàng Văn E từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng;
4. Trương Đăng F từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng;
5. Trương Đình C từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng;
6. Trần Văn D từ 05 tháng đến 07 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

- Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 chiếc nhựa, 01 đĩa sứ, 02 bộ bài chắn;
+ Tịch thu, sung vào Ngân sách Nhà nước: Toàn bộ số tiền 8.130.000 đồng (Gồm tiền thu dưới chiếu bạc và tiền thu trên người bị cáo E, bị cáo F); 01 điện thoại di động Samsung, lắp sim số thuê bao 0968614682 tạm giữ của Lê Đình A; 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus, lắp sim số thuê bao 0915168383 tạm giữ của Hoàng Văn B; 01 điện thoại di động OPPO màu xanh, lắp sim số thuê bao 0376288444 tạm giữ của Trần Văn D; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy Note 9, lắp 02 sim số thuê bao 0978028383 và 0964279835 tạm giữ của Hoàng Văn E;

+ Trả lại bị cáo A 2.970.000 đồng; bị cáo D 510.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Z, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Z, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi và tội danh của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ khác tại cơ quan điều tra, được chứng minh bằng tang vật vụ án thu được tại nhà bị cáo Lê Đình A. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 21/3/2021, bị cáo Lê Đình A có hành vi sử dụng nhà ở của mình tại Khu 5, thôn X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội và chuẩn bị công cụ, phương tiện là 01 chiếc nhựa, 01 đĩa sứ, 02 bộ bài chắn, đồng thời phục vụ thuốc lá, nước uống cho các bị cáo Hoàng Văn B, Trương Đình C, Trần Văn D, Hoàng Văn E và Trương Đăng F đánh bạc sát phạt bằng tiền dưới hình thức đánh “Chắn” nhằm thu lời bất chính (Tiền phé) nhưng bị Công an huyện Z phát hiện bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là **8.130.000** đồng. Bị cáo Trần Văn D không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng ngồi chia bài cho các con bạc, được hưởng tiền công chia bài **80.000** đồng và cho bị cáo B vay 1.000.000 đồng để đánh bạc. Số tiền phé bị cáo A được hưởng là **100.000** đồng.

Do đó, hành vi của các bị cáo Hoàng Văn B, Trương Đình C, Trần Văn D, Hoàng Văn E và Trương Đăng F phạm tội Đánh bạc. Hành vi của bị cáo Lê Đình A do chưa đến mức chịu trách nhiệm hình sự về tội Gá bạc nên bị cáo A phải chịu trách nhiệm hình sự về đồng phạm tội Đánh bạc như các bị cáo còn lại. Tội phạm và hành phạt quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Nội dung Điều luật quy định:

Điều 321. Tội Đánh bạc

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tội phạm không chỉ ảnh hưởng đến trật tự công cộng, nếp sống văn hóa mới mà còn xâm phạm đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, trật tự quản lý Nhà nước về lĩnh vực trò chơi có thưởng; Cờ bạc không hợp pháp là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, là tệ nạn xã hội cần bài trừ. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi và hậu quả do hành vi của mình gây ra. Song do thiếu ý thức, tham lam tư lợi và coi thường pháp luật nên các bị cáo vẫn cố tình phạm tội. Việc đưa các bị cáo ra xét xử và có mức hình phạt thỏa đáng nhằm mục đích giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội đồng thời đấu tranh tuyên truyền, giáo dục, phòng chống tội phạm nói chung và thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật trước mọi hành vi phạm tội là cần thiết.

Đối với anh Ngô Thành Biên không tham gia đánh bạc nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[3] Về nhân thân và tiền án, tiền sự của các bị cáo:

- Về tiền án, tiền sự:

+ Ngày 14/3/2012, bị cáo Lê Đình A bị Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt 05 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (14/3/2012) về tội Đánh bạc. Bị cáo đã nộp án phí và tiền phạt ngày 11/6/2012, do đó án tích đã được xóa. Bị cáo A được xác định chưa có tiền án, tiền sự

- Các bị cáo còn lại đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Tình tiết giảm nhẹ:

+ Các bị cáo Hoàng Văn B, Trương Đình C, Trần Văn D, Hoàng Văn E và Trương Đăng F thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc E hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

+ Bị cáo Lê Đình A thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

[5] Về hình phạt chính: Khi lượng hình, Tòa án xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo để từ đó cá thể hóa, có hình phạt tương xứng với mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo, cụ thể:

Xét tổng thể vụ án cho thấy: Các bị cáo phạm tội đồng phạm giản đơn, không có tổ chức, bột phát nảy sinh ý định phạm tội do cơ hội do có quan hệ nhất định, đều là người cùng thôn, cùng tiếp nhận ý chí của nhau và cùng nhau thực hiện tội phạm, không có sự phân công, phân nhiệm vai trò cho nhau. Tổng số tiền dùng để đánh bạc không lớn. Vì vậy, cần cân nhắc mức hình phạt để có tính răn đe và giáo dục chung.

Theo đó, căn cứ vào diễn biến hành vi của từng bị cáo từ khi chuẩn bị tham gia đánh bạc đến khi bị bắt quả tang; Số tiền các bị cáo mang theo để đánh bạc, vai trò và hình phạt của từng bị cáo được phân hóa thành 03 nhóm với mức độ như sau:

- Nhóm 1 có vai trò cao nhất trong toàn diện vụ án là bị cáo Lê Đình A do là người rủ rê các bị cáo khác, chuẩn bị địa điểm, công cụ, phương tiện đánh bạc, đồng thời thu tiền phé của các con bạc.

- Nhóm 2 gồm các bị cáo có vai trò cao, tương tự nhau là: Hoàng Văn E, Trương Đăng F do số tiền dùng để đánh bạc là nhiều nhất.

- Nhóm 3 gồm bị cáo có vai trò thấp nhất tương tự nhau là Trần Văn D, Hoàng Văn B, Trương Đình C do hành vi cụ thể và số tiền liên quan đến đánh bạc ở mức thấp nhất.

Bị cáo Lê Đình A mặc dù được xác định chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội ít nghiêm trọng nhưng có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về tội danh tương tự mà không

lấy đó làm bài học để tu chí nên cần áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo.

Các bị cáo Hoàng Văn B, Trương Đình C, Trần Văn D, Hoàng Văn E và Trương Đăng F có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; đều có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng, việc không cách ly các bị cáo này ra khỏi xã hội cũng không ảnh hưởng đến công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm nên xử phạt các bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cũng đủ răn đe, giáo dục đối với các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật trong chính sách hình sự nhân đạo của Đảng và Nhà nước.

Tất cả các bị cáo đều có tình tiết giảm nhẹ như đã phân tích, đánh giá ở trên nên cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét toàn bộ các bị cáo đều là lao động tự do, xác định tại phiên tòa có thu nhập ổn định nên cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với tất cả các bị cáo, trừ bị cáo D do tính chất, mức độ hành vi ở mức nhất định nên không phạt tiền.

[7] Về vật chứng vụ án: Cần áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để:

- + Tịch thu, tiêu hủy: 01 chiếc nhựa, 01 đĩa sứ, 02 bộ bài chắn do không còn giá trị sử dụng;

- + Tịch thu, sung vào Ngân sách Nhà nước: Toàn bộ số tiền 8.130.000 đồng (Gồm tiền thu dưới chiếu bạc và tiền thu trên người bị cáo E, bị cáo F); 01 điện thoại di động Samsung, lắp sim số thuê bao 0968614682 tạm giữ của Lê Đình A; 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus, lắp sim số thuê bao 0915168383 tạm giữ của Hoàng Văn B; 01 điện thoại di động OPPO màu xanh, lắp sim số thuê bao 0376288444 tạm giữ của Trần Văn D; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy Note 9, lắp 02 sim số thuê bao 0978028383 và 0964279835 tạm giữ của Hoàng Văn E do sử dụng vào việc đánh bạc;

- + Trả lại bị cáo A 2.970.000 đồng; bị cáo D 510.000 đồng do không liên quan đến hành vi đánh bạc.

Ngày 06/5/2021, Cơ quan điều tra đã Quyết định xử lý vật chứng trao trả chiếc điện thoại di động OPPO màu đen, lắp sim số thuê bao 0976815485 cho bị cáo Trương Đình C; chiếc điện thoại di động OPPO A7 màu trắng, bạc, lắp sim số thuê bao 0984884176 cho bị cáo Trương Đăng F do đều là tài sản cá nhân của C và F, không liên quan đến hành vi đánh bạc là có căn cứ.

[8] Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Z giữ quyền công tố tại phiên tòa về hình phạt chính đối với các bị cáo, xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo: Lê Đình A, Hoàng Văn B, Trương Đình C, Trần Văn D, Hoàng Văn E và Trương Đăng F phạm tội: Đánh bạc.

2. Về hình phạt chính:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Lê Đình A **06 (Sáu)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày **21/3/2021**.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt:

+ Hoàng Văn E **07 (Bảy)** tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **14 (Mười bốn)** tháng, kể từ ngày tuyên án.

+ Trương Đăng F **07 (Bảy)** tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **14 (Mười bốn)** tháng, kể từ ngày tuyên án.

+ Hoàng Văn B **06 (Sáu)** tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **12 (Mười hai)** tháng, kể từ ngày tuyên án.

+ Trương Đình C **06 (Sáu)** tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **12 (Mười hai)** tháng, kể từ ngày tuyên án.

+ Trần Văn D **06 (Sáu)** tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **12 (Mười hai)** tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Hoàng Văn E, Trương Đăng F, Hoàng Văn B, Trương Đình C và Trần Văn D cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của Bản án.

Trong E hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về hình phạt bổ sung:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự, phạt tiền:

+ Các bị cáo Lê Đình A, Hoàng Văn B, Hoàng Văn E, Trương Đăng F, mỗi bị cáo **10.000.000** (Mười triệu) đồng.

+ Bị cáo Trương Đình C **20.000.000** (Hai mươi triệu) đồng.

4. Về xử lý vật chứng:

- Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự;

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 chiếc nhựa, 01 đĩa sù, 02 bộ bài chắn;

+ Tịch thu, sung vào Ngân sách Nhà nước: Số tiền 8.130.000 đồng; 01 điện thoại di động Samsung SM-J410F/DS, lắp sim số thuê bao 0968614682; 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus, lắp sim số thuê bao 0915168383; 01 điện thoại di động OPPO, lắp sim số thuê bao 0376288444 và 01 điện thoại di động Samsung Galaxy Note 9, lắp 02 sim số thuê bao 0978028383 và 0964279835;

+ Cho thi hành trả lại bị cáo Lê Đình A số tiền 2.970.000 đồng; trả lại bị cáo Trần Văn D số tiền 510.000 đồng.

(Theo Giấy nộp tiền vào tài khoản và Biên bản giao, nhận vật chứng cùng ngày 24/5/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện Z với Chi cục thi hành án dân sự huyện Z).

5. Về án phí và quyền kháng cáo:

- Căn cứ Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải chịu **200.000** (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- Sở tư pháp TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Z;
- Công an huyện Z;
- Chi cục THADS huyện Z;
- Các bị cáo;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lâm Bình

